

Bản án số: **38/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/9/2025.

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Hải Hằng**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông **Nguyễn Bá Truyền**

2/ Ông **Lương Phi Hùng**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Cao Võ Thanh Sang** – là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Việt Thy** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trương Thị Mỹ Ph**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp A, xã A, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, phường M, tỉnh Vĩnh Long).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 12, khóm 4, phường V, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tổ 12, khóm 4, phường V, tỉnh Vĩnh Long).

(Bà Ph xin vắng mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/5/2025 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Trương Thị Mỹ Ph trình bày:

Năm 2009 bà và ông H quen biết do mai mối, tìm hiểu và kết hôn với nhau trước sự chứng kiến và đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Thời gian sống chung, do ông H không lo làm ăn nên vợ chồng gặp khó khăn về kinh tế, thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột dẫn đến mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và trong tình cảm vợ chồng. Tình cảm không hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 người con chung là Nguyễn Minh Hiếu, sinh ngày 01/12/2012 và Nguyễn Minh Luân, sinh ngày 04/9/2015, hiện nay hai con đang sống chung với bà Ph. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền nuôi 02 người con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn H mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2025, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 75/TB-TA ngày 20/5/2025, Thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ số 75A/TB-TA ngày 20/5/2025 nhưng ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ph.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Trương Thị Mỹ Ph có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Tòa án thụ lý vụ án và xét xử đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ Ph. Chấp nhận cho bà Trương Thị Mỹ Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Chấp nhận cho bà Ph được quyền nuôi cháu Nguyễn Minh H và Nguyễn Minh L. Ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Bà Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Trương Thị Mỹ Ph có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Văn H đã được Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập lần 1, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, ông H đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph và ông H theo quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph và ông H quen biết qua mai mối, tìm hiểu và kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo lời trình bày của bà Ph do ông H không lo làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và trong tình cảm vợ chồng, tình cảm không còn nên bà Ph xin ly hôn với ông H. Đối với ông H, quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vẫn vắng mặt chứng tỏ ông không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân, không thể hiện thiện chí và mong muốn đoàn tụ. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng bà Ph và ông H không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph được ly hôn với ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Ph và ông H có 02 người con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 01/12/2012 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 04/9/2015, hiện nay hai cháu đang sống chung với bà Ph. Khi ly hôn, bà Ph yêu cầu được quyền nuôi cháu H và cháu L, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện nay cháu H và cháu L đang sống chung với bà Ph, cuộc sống ổn định, cháu H và cháu L cũng có văn bản thể hiện mong muốn được tiếp tục sống chung với bà Ph. Đối với ông H đã nhận được các văn bản của Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của bà Ph nhưng ông H không có ý kiến phản đối.

Do đó, để đảm bảo cuộc sống và môi trường học tập của cháu H và cháu L được ổn định, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Ph được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hiếu và cháu Luân là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ph không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Ph phải chịu nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào điều 9, 19, 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trương Thị Mỹ Ph được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chấp nhận cho bà Trương Thị Mỹ Ph được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Minh H, sinh ngày 01/12/2012 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 04/9/2015. Ông H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Ông H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Ph phải nộp 300.000đ được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005662 ngày 15/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã M (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Vĩnh Long). Bà Ph đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV3-VL;
- Phòng THADS KV3-VL;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Hải Hằng